

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2021/DS-ST

Ngày: 28-5-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năm.

Ông Trần Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 736/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 263/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1973.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1974 (vợ ông Ch) – Là người đại diện theo ủy quyền, giấy ủy quyền ngày 25/12/2020.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp R, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trương Văn Ng và bà Trà Thị Đ, sinh năm 1973 (vợ ông Ng).

Cùng trú tại: Ấp Th, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bà Đ1 có mặt; ông Ng, bà Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 12 năm 2020 và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ch trình bày yêu cầu khởi kiện:

Ngày 03/4/2017 âl, vợ chồng ông Ng, bà Đ có mua vật liệu xây dựng của ông Ch nhiều lần với số tiền 86.674.000 đồng, đến ngày 07/6/2017 vợ chồng ông Ng, bà Đ có trả được 40.000.000 đồng nên còn nợ lại 46.674.000 đồng và vợ chồng ông Ng, bà Đ có hẹn một tháng sẽ trả đủ, nhưng sau một tháng mà vợ chồng ông Ng, bà Đ vẫn không trả tiền cho ông Ch. Ông Ch có đến gặp vợ chồng ông Ng, bà Đ nhiều lần nhưng vợ chồng ông Ng, bà Đ chỉ hứa hẹn nhiều lần mà không chịu thanh toán nợ cho ông Ch, nên ông Ch có yêu cầu tổ hòa giải ấp Thị Kẹo, xã Phong Điền hòa giải. Tại phiên hòa giải ông Ng thừa nhận có thiếu tiền ông Ch nhưng xin cho trả từ từ, ông Ch không đồng ý nên hòa giải không thành.

Từ những lý do nêu trên, ông Ch khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Ng và bà Đ thanh toán số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 46.674.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Bị đơn ông Ng và bà Đ, Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định mà ông Ng và bà Đ không có văn bản trả lời cho Tòa án; Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp và phiên hòa giải 02 lần nhưng ông Ng và bà Đ không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, ngày 28/4/2021 bà Đ có cung cấp cho Tòa án bản tự khai đề ngày 28/4/2021 với nội dung như sau: Năm 2017 vợ chồng tôi xây nhà có mua thiếu vật liệu xây dựng của ông Ch, mua thiếu nhiều lần và sau khi mua thiếu thì vợ chồng tôi có trả từ từ cho ông Ch nhưng chưa đủ, đến khi chót nợ lại thì vợ chồng tôi còn thiếu ông Ch với số tiền mua vật tư là 86.674.000 đồng. Sau khi chót nợ thì vợ chồng tôi có trả cho ông Ch được 40.000.000 đồng, nên hiện tại vợ chồng tôi còn nợ tiền mua vật liệu xây dựng của ông Ch là 46.674.000 đồng. Nay vợ chồng tôi đồng ý thanh toán cho ông Ch số tiền nợ là 46.674.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đ1 yêu cầu vợ chồng ông Ng và bà Đ cùng có trách nhiệm thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 46.674.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì thêm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là vợ chồng ông Ng, bà Đ là đúng với quy định pháp luật.

Về nội dung:

[1] Xác định quan hệ pháp luật: Ông Ch khởi kiện vợ chồng ông Ng, bà Đ nợ tiền mua vật liệu xây dựng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

[2] Áp dụng pháp luật: Tòa án thụ lý ngày 25 tháng 12 năm 2020 nên áp dụng Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bộ luật Dân sự năm 2015 và áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tính án phí.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Ch đối với vợ chồng ông Ng, bà Đ: Ông Ch yêu cầu vợ chồng ông Ng, bà Đ có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ là 46.674.000 đồng, đây là tiền mà vợ chồng ông Ng, bà Đ mua vật liệu xây dựng còn nợ chưa thanh toán cho ông Ch. Xét thấy, việc vợ chồng ông Ng và bà Đ có mua thiếu vật liệu xây dựng của ông Ch nhiều lần và còn nợ tiền là thực tế có xảy ra vì ông Ch có cung cấp giấy ghi nợ của vợ chồng ông Ng và bà Đ có mua vật liệu xây dựng nhiều lần (bút lục số 07, 08, 09). Đồng thời, tại biên bản hòa giải ngày 24/10/2020 ông Ng thừa nhận có nợ tiền vật tư của ông Ch là 46.674.000 đồng từ năm 2017 cho đến nay (bút lục số 10). Mặt khác, phía bị đơn bà Đ có văn bản thể hiện ý kiến thừa nhận vào năm 2017 vợ chồng bà có mua vật liệu xây dựng của ông Ch về để xây nhà nên vợ chồng bà có nợ tiền vật tư của ông Ch và đồng ý thanh toán cho ông Ch với số tiền nợ là 46.674.000 đồng. Như vậy, có cơ sở xác định vợ chồng ông Ng và bà Đ sau nhiều lần mua thiếu vật liệu xây dựng của ông Ch và có thanh toán nhưng thanh toán không đầy đủ cho ông Ch nên ông Ch khởi kiện là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Kể từ ngày ông Ch có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng ông Ng và bà Đ chậm thanh toán tiền thì hàng tháng vợ chồng ông Ng và bà Đ còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Do yêu cầu khởi kiện của ông Ch được chấp nhận toàn bộ nên vợ chồng ông Ng và bà Đ phải có trách nhiệm liên đới chịu án

phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền 46.674.000 đồng là 2.333.700 đồng (Hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm đồng).

Ông Ch không phải chịu án phí, ông Ch có dự nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147, 264, 266, 267, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ch về việc khởi kiện vợ chồng ông Trương Văn Ng và bà Trà Thị Đ yêu cầu thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ. Buộc vợ chồng ông Ng và bà Đ có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Ch tổng số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 46.674.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Ch có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng ông Ng và bà Đ chậm thanh toán tiền thì hàng tháng vợ chồng ông Ng và bà Đ còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% ông Ng và bà Đ phải có trách nhiệm liên đới chịu nộp là 2.333.700 đồng (Hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm đồng).

Ông Ch không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Ch có dự nộp tiền tạm ứng án phí là 1.167.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004465 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án xử sơ thẩm, đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự.
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H.Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo